

Bản án số: 212/2018/HSPT
Ngày: 05-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Hồng Hương

Ông Trần Nam Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 149/2018/HSPT ngày 12 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn H. Do có kháng cáo của bị cáo và những người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2018/HSST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo kháng cáo: Lê Văn H, sinh năm: 1969, tại Hưng Yên; Nơi cư trú: khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (đã chết năm 2004) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1933; Có vợ tên Phạm Thị B, sinh năm 1975, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/7/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự. Đã chấp hành xong bản án ngày 24/10/2007 được đặc xá tha tù trước thời hạn; Bị cáo đầu thú ngày 03/7/2017, chuyển tạm giam theo Lệnh số 434 ngày 11/7/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa (Có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Giáp Thị Mỹ T1, sinh năm 1994 (có mặt).
2. Chị Giáp Thị Mỹ T2, sinh năm 1999 (có mặt).
3. Ông Giáp Văn C, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng trú tại: khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

4. Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1994 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ B, khu phố 8A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông C, chị T1, chị T2, anh Tuấn A:

Luật sư Nguyễn Trọng Y – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lê Văn H và chị Giáp Thị Mỹ T1 ở gần nhà nhau cùng cư ngụ tại khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 13 giờ ngày 02/7/2017, H đi xe mô tô va trúng buồng dừa ở quán tạp hóa nhà chị T1, H và chị T1 cự cãi nhau. H ném 01 trái dừa trúng vào mặt chị T1 làm mẻ răng của chị T1. H bỏ về nhà. Chị T1 điện thoại kể cho ông Giáp Văn C (cha T1) nghe sự việc. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, ông C, bà Nguyễn Thị Kim T3 (mẹ T1), chị Giáp Thị Mỹ T2 (em gái chị T1) và anh Hoàng Tuấn A (bạn trai chị T1) đến nhà H hỏi rõ sự việc. Bà T3 cầm từ nhà 01 khúc cây khô dài khoảng 01m, anh Tuấn A cầm 01 gậy tre dài khoảng 01m (ở cửa quán nhà chị T1) đến gõ vào cổng nhà H, chửi bới và thách thức đánh nhau với H. Chị T1 đi lại dùng tay xô đổ xe máy của H (đang để ngoài đường). Chị Phạm Thị B (vợ H) ra mở cổng, nói chuyện với bà T3, chị T1 và anh Tuấn A. Sau đó, bà T3 vút khúc cây vào lề đường và quay vào nhà chị T1. Anh Tuấn A và chị T1 đứng lùi ra ngoài đường tiếp tục có lời lẽ thiếu tế nhị với H. Lúc này, H lấy 01 roi điện màu đen hình cong dài khoảng 15cm bỏ vào túi quần và cầm 01 con dao dài khoảng 40cm chạy ra. H dùng dao, anh Tuấn A dùng gậy tre, hai bên đánh nhau qua lại. Chị B xông vào giữa can ngăn, bị trúng gậy và 01 nhát dao vào tay trái nên lùi ra ngoài đường. H ném dao về phía anh Tuấn A nhưng không trúng. H lấy roi điện trong túi quần bắn anh Tuấn A thì bị anh Tuấn A dùng gậy tre đánh trúng tay H làm rơi roi điện. H và anh Tuấn A tiếp tục xông vào ôm vật nhau xuống đường, anh Tuấn A rơi gậy tre, hai bên vật nhau qua lại thì mọi người vào can ngăn. H chạy vào nhà lấy

01 can nhựa loại 05 lít bên trong có khoảng 01 lít axit Sulfuric đậm đặc, chạy ra đường. H cầm can axit (đã được mở nắp) chạy đến cách chỗ anh Tuấn A và chị T2 khoảng 01m, H hắt axit trúng vào người anh Tuấn A và người chị T2. Chị T1 chạy đến nhặt gậy tre (của anh Tuấn A làm rơi) đánh 01 cái trúng vai H, H quay lại thì chị T1 té ngã, làm rơi cây, H cầm can axit tiếp tục hắt axit trúng vào mặt và người chị T1. Ông C chạy đến chỗ chị T1 thì bị H hắt axit trúng vào người. Ông C nhặt khúc cây chị T1 làm rơi đánh về phía H nhưng không trúng. Được mọi người vào can ngăn, H ném can axit xuống đất và bỏ đi. Chị T1, chị T2, ông C và anh Tuấn A được mọi người đưa đi cấp cứu.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 1038/YC-BVCR ngày 09/8/2017 của Bệnh viện Chợ Rẫy, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 05/7/2017 và bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0502/GDPY/2017 ngày 15/8/2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận chị Giáp Thị Mỹ T1 bị phỏng hóa chất vùng mặt, mắt hai bên, thân, tay trái và chân hai bên. Dấu hiệu chính qua giám định:

- + Sẹo phỏng vùng cổ - ngực tay trái, chân hai bên khoảng 07% diện tích, hiện còn có phần viêm loét, rỉ dịch (Áp dụng Chương 10, điều III, mục 1.3). Tỷ lệ: 21%.

- + Sẹo phỏng toàn bộ vùng mặt khoảng 02% diện tích, sẹo co kéo biến dạng mặt, môi trên, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 10, điều II, mục 1.2.3). Tỷ lệ: 31%.

- + Tổn thương giác mạc hai mắt đã được phẫu thuật ghép màng ổi, hiện gây giảm thị lực hai mắt còn 3/10 (Áp dụng Chương 11). Tỷ lệ: 31%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) là 62%.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0174/GDPY/2018 ngày 20/3/2018 của Giám định viên Trung tâm pháp y Đồng Nai, kết luận chị Giáp Thị Mỹ T1 bị chấn thương miệng. Dấu hiệu chính qua giám định:

- + Tổn thương mẻ răng 27 đã được điều trị bảo tồn (Áp dụng Chương 12, điều II, mục 2.3). tỷ lệ: $0,75\% = 01\%$.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây mẻ răng gây nên tại thời điểm giám định là 01%.

- Theo bản Kết luận giám định số 0502/GDPY/2017 ngày 15/8/2017 của Trung tâm pháp y Đồng Nai tỷ lệ thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 62%.

Vậy tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích bổ sung áp dụng theo phương pháp cộng lùi là $62\% + 01\% = 62\%$.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 05/7/2017 và bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0503/GDPY/2017 ngày 07/7/2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận chị Giáp Thị Mỹ T2 bị bỏng vùng mặt, cổ, lưng, mông, đùi trái, cánh tay phải, cánh tay trái, cẳng tay trái và cẳng chân hai bên. Dấu hiệu chính qua giám định:

- + Bỏng vùng mặt, cổ trước độ I-II khoảng 01% diện tích, hiện tại da đổi màu, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 10, điều II, mục 1.2.1). Tỷ lệ: 15%.

- + Tổn thương bỏng vùng lưng, mông hai bên, cánh tay phải, cánh tay trái, cẳng tay trái, đùi trái và vùng cẳng chân hai bên khoảng 14,5% diện tích, hiện tại các vết bỏng có chỗ còn loét, viêm, rỉ dịch (Áp dụng Chương 10, điều III, mục 1.3). Tỷ lệ: 25%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) là 36%.

- Bỏng vùng mặt, cổ, lưng, mông, đùi trái, cánh tay phải, cánh tay trái, cẳng tay trái và cẳng chân hai bên do hóa chất.

Tại chứng nhận thương tích số 1050/YC-BVCR ngày 11/8/2017 của Bệnh viện Chợ Rẫy, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 05/7/2017 và bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0504/GDPY/2017 ngày 08/9/2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận anh Hoàng Tuấn A bị phỏng mặt, thân và tứ chi. Dấu hiệu chính qua giám định:

- + Tổn thương phỏng vùng mặt để lại sẹo đổi màu, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 10, điều II, mục 1). Tỷ lệ: 11%.

- + Tổn thương phỏng vùng ngực, bụng, hai tay và hai đùi để lại sẹo khoảng 10% diện tích cơ thể (Áp dụng Chương 10, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 06%.

- + Tổn thương phỏng gây sẹo lồi vùng ngực, bụng, hai tay và hai đùi (Áp dụng Chương 10, điều III, mục 2). Tỷ lệ: 09%.

- + Tổn thương phỏng kết mạc mắt trái (Áp dụng Chương 11). Tỷ lệ: 05%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) là 28%.

- Phỏng mặt, thân và tứ chi do acid. (Bút lục 80-86).

Tại chứng nhận thương tích số 1022/YC-BVCR ngày 04/8/2017 của Bệnh viện Chợ Rẫy, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 05/7/2017 và bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0501/GDPY/2017 ngày 08/9/2017 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận ông Giáp Văn C bị phỏng mặt, cổ và thân. Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Tổn thương phỏng rải rác vùng mặt để lại sẹo sạm đen, xấu về thẩm mỹ (Áp dụng Chương 10, điều I, mục 2). Tỷ lệ: 11%.

+ Tổn thương phỏng vùng cổ, thân rải rác để lại sẹo sạm đen (Áp dụng Chương 10, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 03%.

+ Tổn thương giác mạc gây giảm thị lực mắt trái 6/10 (Áp dụng Chương 11). Tỷ lệ: 05%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) là 18%.

- Phỏng mặt, cổ và thân do acid.

* Công văn số 89/TTPY/2018 ngày 19/3/2018 của Trung tâm pháp y Đồng Nai, xác định kết quả giám định của ông Giáp Văn C như sau:

- Tổn thương 2 mắt Bệnh viện Chợ Rẫy đã xác định là phỏng do Acid (Thể hiện trong Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 05/7/2018 của Trung tâm pháp y Đồng Nai và Giấy chứng nhận thương tích số 1022/YC-BVCR ngày 04/8/2017 của Bệnh viện Chợ Rẫy - Tp. Hồ Chí Minh).

- Theo giải phẫu cơ thể người thì mắt là bộ phận của cơ thể nên khi giám định Trung tâm pháp y Đồng Nai xác định chung là phỏng mặt.

Tại Kết luận giám định số 08/PC54-GĐH ngày 05/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

- 01 (một) vỏ can nhựa màu trắng loại 5 lít (kí hiệu M1): có chứa axit Sulfuric.

- Trên 03 (ba) chiếc áo ướt bị cháy thủng (kí hiệu M2): có tìm thấy axit Sulfuric.

Axit Sulfuric (H_2SO_4) đặc làm bỏng da, niêm mạc khi tiếp xúc.

* Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0230/GDPY/2018 ngày 29/3/2018 của Giám định viên Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận Lê Văn H bị thương tích vùng đầu:

- Dấu hiệu chính qua giám định:

+ Vết thương vùng đỉnh – thái dương phải để lại sẹo kích thước 2,5 x 0,3 cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ: 01%.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định 01%.

- Kết luận khác:

+ Thương tích vùng đầu do vật sắc hoặc vật tày có cạnh.

+ Theo tài liệu y khoa “sinh lý bệnh học” vết thương vùng đỉnh – thái dương phải để lại sẹo kích thước 2,5 x 0,3cm có thời gian hình thành trên 21 ngày.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu giữ:
 - + 01 can nhựa loại 05 lít và 01 con dao bằng sắt dài khoảng 40 cm, rộng 10 cm, 01 roi điện màu đen hình cong dài khoảng 15cm Lê Văn H sử dụng gây án.
 - + 01 cây gậy phi 03cm dài khoảng 01m, Nguyễn Tuấn A và Giáp Thị Mỹ T1 sử dụng đánh Lê Văn H.
 - + 03 chiếc áo bị rách, cháy và 01 chiếc bạt dài 02 m, rộng 01m có vết loang do H tạt a xít gây nên.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Tại cơ quan điều tra các bị hại Giáp Thị Mỹ T1, Giáp Thị Mỹ T2, Giáp Văn C và Hoàng Tuấn A yêu cầu Lê Văn H bồi thường tiền điều trị thương tích và chi phí khác với số tiền cụ thể như sau:

Chị T1 yêu cầu bồi thường 2.471.265.183 đồng. Chị T2 yêu cầu bồi thường 1.028.707.000 đồng. Ông C yêu cầu bồi thường 111.486.000 đồng. Anh Tuấn A yêu cầu bồi thường 121.464.000. Bị cáo Lê Văn H đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình ông C được 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Cụ thể: Bồi thường cho chị T1 35.000.000 đồng, chị T2 20.000.000 đồng và ông C 15.000.000 đồng. Ngày 16/01/2018 gia đình bị cáo Lê Văn H đề nghị nộp 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho anh Tuấn A.

Tại Bản cáo trạng số 150/CT/VKS-HS ngày 26/4/2018 thay thế Cáo trạng số 568/CT/VKS-HS ngày 21/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 176/2018/HSST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm a, c khoản 1 và khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị Quyết 03/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Buộc bị cáo Lê Văn H có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại số tiền 1.066.235.332 đồng, cụ thể: Chị Giáp Thị Mỹ T1 số tiền 969.964.490 đồng (Chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi đồng); Chị Giáp Thị Mỹ T2 số tiền 61.806.842 đồng (Sáu mươi một triệu tám trăm linh

sáu nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng); Anh Hoàng Tuấn A số tiền 34.464.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền 09549 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/6/2018, bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và mức bồi thường thiệt hại. Ngày 18/6/2018, những người bị hại chị Giáp Thị Mỹ T1, chị Giáp Thị Mỹ T2, ông Giáp Văn C kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt đối với bị cáo. Ngày 18/6/2018, người bị hại anh Hoàng Tuấn A kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt với bị cáo và tăng mức bồi thường.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Hành vi của Lê Văn H đã cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi của bị cáo hết sức nguy hiểm, gây thương tích cho nhiều người, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ xét xử bị cáo với mức án 11 năm tù là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét thêm trong vụ án này cũng có một phần lỗi của các bị hại, đã kéo đến nhà bị cáo, dùng hung khí, chửi bới thách thức đánh nhau với bị cáo nên đã một phần kích động về mặt tinh thần của bị cáo dẫn đến hành vi phạm tội, khi hai bên xảy ra xô xát, vợ bị cáo là chị B do can ngăn cũng bị đánh trúng 01 gậy và 01 nhát dao gây thương tích.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp thêm được những tình tiết mới như: Gia đình bị cáo đã nộp thêm 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn có xác nhận của địa phương, bị cáo có 02 con nhỏ bị bệnh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về kháng cáo của bị cáo xin giảm một phần bồi thường dân sự là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của bị cáo.

Đối với kháng cáo của các bị hại chị Giáp Thị Mỹ T1, chị Giáp Thị Mỹ T2, ông Giáp Văn C và anh Hoàng Tuấn A đề nghị tăng nặng mức hình phạt và anh Tuấn A đề nghị tăng mức bồi thường đối với bị cáo. Đối với kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo, như đại diện Viện kiểm sát đã phân tích trong vụ án này có một phần lỗi của bị hại và bị cáo cũng có một số tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại đối với bị cáo là không có căn cứ. Đối với

kháng cáo tăng mức bồi thường của anh Tuấn A xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, nên cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ xem xét thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo và người bị hại làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại về hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Khoảng 13 giờ ngày 02/7/2017, bị cáo Lê Văn H điều khiển xe mô tô va quệt vào quầy hàng của chị Giáp Thị Mỹ T1 dẫn đến việc hai bên cãi vã, bị cáo H dùng trái dừa ném trúng mặt làm mẻ răng số 27 của chị T1. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, chị T1 cùng bà Nguyễn Thị Kim T3 (mẹ T1), anh Hoàng Tuấn A (bạn trai T1) đem theo gậy tre đến trước cửa nhà H tại số nhà 242/5, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Chị T1, anh Tuấn A có lời lẽ thiếu tế nhị, thách thức đánh nhau với H, H dùng roi điện, dao, anh Tuấn A dùng gậy tre đánh nhau. Sau đó, H dùng 01 can nhựa loại 05 lít bên trong có khoảng 01 lít axit Sulfuric đậm đặc hắt axit Sulfuric trúng vào người chị T1, chị Giáp Thị Mỹ T2 (em gái T1), anh Tuấn A và ông Giáp Văn C (cha T1). Hậu quả: Chị Giáp Thị Mỹ T1 bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 62%, chị Giáp Thị Mỹ T2 bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 36%, anh Hoàng Tuấn A bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 28%, ông Giáp Văn C bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 18%.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Lê Văn H là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm, gây thiệt hại cho nhiều người là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần cho người bị hại, nộp tiền khắc phục hậu quả, bị cáo đầu thú, cha bị cáo có Huy chương kháng chiến, bị cáo không có tiền án, tiền sự để xem xét giảm nhẹ

hình phạt cho bị cáo. Xét nguyên nhân vụ án cũng có một phần lỗi do những người bị hại, bị hại cùng với gia đình gồm ông C, bà T3, chị T1, chị T2, anh Tuấn A đã mang hung khí đến nhà bị cáo chửi bới và thách thức đánh nhau nên bị cáo một phần bị kích động về tinh thần. Khi hai bên xảy ra xô xát, chị B là vợ bị cáo do can ngăn cũng bị trúng gậy và 01 nhát dao gây thương tích.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp đơn xin cứu xét do bị cáo có hai con bị bệnh, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã vận động gia đình tiếp tục nộp tiền khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000đ (Biên lai thu tiền số 008571 ngày 26/9/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai). Đây là các tình tiết mới được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị hại về việc đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo: Như đã phân tích trên, trong vụ án này cũng có một phần lỗi của các bị hại, đã cùng nhau kéo đến nhà bị cáo, dùng hung khí, có những lời nói thiếu tế nhị và trong quá trình xô xát đã gây thương tích cho vợ bị cáo. Do đó đã có một phần kích động về mặt tinh thần của bị cáo, dẫn đến bị cáo phạm tội. Đồng thời trong quá trình xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo đã nộp thêm một số tiền để khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo thật sự khó khăn, bị cáo có 02 con nhỏ bị bệnh, bị cáo có nhiều tình tiết mới để được giảm nhẹ hình phạt. Các bị hại kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết tăng nặng nào, nên không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại anh Tuấn A về bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa sơ thẩm chị T1 yêu cầu: Chi phí việc cứu chữa 87.584.490 đồng; Chi phí phục hồi sức khỏe khám điều trị tại Thái Lan 605.430.000 đồng; Thu nhập thực tế bị mất 66.000.000 đồng; Chi phí hợp lý và phần thu nhập bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị 180.950.000 đồng; Tổn thất tinh thần 65.000.000 đồng. Tổng cộng 1.004.964.490 đồng. Đây là những chi phí chị T1 đã chi thực tế trong quá trình điều trị tính đến ngày 31/5/2018 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường, hiện tại chị T1 vẫn còn tiếp tục điều trị chi phí phát sinh sau sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Bị cáo Lê Văn H đồng ý bồi thường cho chị T1 các khoản: Chi phí việc cứu chữa 87.584.490 đồng; Thu nhập thực tế bị mất, hoặc bị giam giữ 66.000.000 đồng; Tổn thất tinh thần 65.000.000 đồng. Tổng cộng 218.584.490 đồng. Còn các khoản chi phí phục hồi sức khỏe khám

điều trị tại Thái Lan 605.430.000 đồng và chi phí hợp lý và phần thu nhập bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị 180.950.000 đồng bị cáo không đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị T2 yêu cầu: Chi phí khám chữa bệnh, giấy chứng thương 7.306.842 đồng; Tiền chăm sóc 19 ngày 9.500.000 đồng; Mất thu nhập tại phiên tòa không yêu cầu vì chưa đi làm; Tổn thất tinh thần, tại phiên tòa rút một phần, chỉ yêu cầu 65.000.000 đồng. Tổng cộng 81.806.842 đồng. Đây là những chi phí chị T2 đã chi thực tế trong quá trình điều trị tính đến ngày 31/5/2018 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường, hiện tại chị T2 vẫn còn tiếp tục điều trị chi phí phát sinh sau sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Bị cáo Lê Văn H đồng ý bồi thường cho chị T2 các khoản: Chi phí khám chữa bệnh, giấy chứng thương 7.306.842 đồng; Tổn thất tinh thần 65.000.000 đồng. Tổng cộng 72.306.842 đồng. Bị cáo không đồng ý bồi thường chi phí hợp lý và phần thu nhập bị mất của người chăm sóc trong thời gian điều trị 19 ngày 9.500.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh Tuấn A yêu cầu: Chi phí chữa trị 4.164.000 đồng; Công chăm sóc 3.300.000 đồng; Mất thu nhập 14.000.000 đồng (làm cơ khí mỗi tháng 7.000.000 đồng); Tổn thất tinh thần tại phiên tòa rút một phần, chỉ yêu cầu 65.000.000 đồng. Tổng cộng 86.464.000 đồng. Đây là những chi phí anh Tuấn A đã chi thực tế trong quá trình điều trị tính đến ngày 31/5/2018 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường, hiện tại anh Tuấn A vẫn còn tiếp tục điều trị chi phí phát sinh sau sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Bị cáo Lê Văn H đồng ý bồi thường cho anh Tuấn A khoản: Chi phí chữa trị 4.164.000 đồng. Còn lại các khoản khác không đồng ý bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Lê Văn H dùng axit Sulfuric gây thương tích cho chị Giáp Thị Mỹ T1 với tỷ lệ thương tật 62%, chị Giáp Thị Mỹ T2 với tỷ lệ 36%, anh Hoàng Tuấn A với tỷ lệ 28% là nguy hiểm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của các bị hại. Ngoài ra axit còn gây ra nhiều vết sẹo phồng gây ảnh hưởng lâu dài đến thẩm mỹ của các bị hại. Những khoản yêu cầu của chị T1, chị T2 là những chi phí thực tế đã bỏ ra. Do đó Tòa án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho chị T1 số tiền 1.004.964.490 đồng, bồi thường cho chị T2 số tiền 81.806.842 đồng là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ mức bồi thường là không có căn cứ chấp nhận. Bị cáo đã bồi thường cho chị T1 35.000.000 đồng, nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị T1 số tiền 969.964.490 đồng. Bị cáo đã bồi thường

cho chị T2 số tiền 20.000.000đ, nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị T2 số tiền 61.806.842 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Hoàng Tuấn A, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu buộc bị cáo bồi thường cho anh Tuấn A 34.464.000 đồng là những khoản chi phí và thu nhập thực tế bị mất. Về yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của anh Hoàng Tuấn A với số tiền 65.000.000 đồng, xét thấy thương tích bị cáo gây ra cho anh Tuấn A là 28%, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của anh Tuấn A, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm với mức bồi thường bằng 10 lần mức lương cơ bản là phù hợp. Do đó kháng cáo người bị hại Hoàng Tuấn A về vấn đề bồi thường thiệt hại không có căn cứ chấp nhận. Kháng cáo của bị cáo Lê Văn H xin giảm nhẹ mức bồi thường cho anh Tuấn A cũng không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo về hình phạt được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo về bồi thường thiệt hại không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Người bị hại ông Giáp Văn C, chị Giáp Thị Mỹ T1, chị Giáp Thị Mỹ T2, anh Hoàng Tuấn A kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo và kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm nên thuộc trường hợp không phải nộp án phí và được miễn án phí.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị hại không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn H, sửa một phần bản án sơ thẩm về hình phạt;

Không chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về bồi thường thiệt hại;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Giáp Văn C, chị Giáp Thị Mỹ T1, chị Giáp Thị Mỹ T2, anh Hoàng Tuấn A về hình phạt và bồi thường thiệt hại;

Áp dụng điểm a, c khoản 1 và khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 09 (chín) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.
Thời hạn tù được tính từ ngày 03/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 590 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Lê Văn H có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại số tiền 1.066.235.332 đồng, cụ thể: Chị Giáp Thị Mỹ T1 số tiền 969.964.490 đồng (Chín trăm sáu mươi chín triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm chín mươi đồng); Chị Giáp Thị Mỹ T2 số tiền 61.806.842 đồng (Sáu mươi một triệu tám trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng); Anh Hoàng Tuấn A số tiền 34.464.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu tiền 09549 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa và số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) tại Biên lai thu tiền 008571 ngày 26/9/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Giáp Văn C, chị Giáp Thị Mỹ T1, chị Giáp Thị Mỹ T2, anh Hoàng Tuấn A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa (2);
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; bị hại;
- Người bảo vệ cho bị hại;
- Lưu HS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thành Sơn